ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 715 /QĐ-ĐHYD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy và đại học vừa làm vừa học năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-ĐHTN ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Đại học Thái Nguyên.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học chính quy và đại học vừa làm vừa học năm 2023 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa, bộ môn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, MC.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tuyển sinh đại học chính quy và đại học vừa làm vừa học năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 715 /QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học chính quy và đại học vừa làm vừa học; quy định cụ thể về tổ chức xét tuyển đào tạo đại học hình thức chính quy và đại học vừa làm vừa học.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy và đại học vừa làm vừa học tại Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của Trường thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Trường hoặc hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (sau đây gọi tắt là hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung) và đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường (hoặc xử lý chung theo nhóm ngành tại ĐHTN) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường và ĐHTN xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống tuyển sinh của Trường và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét

tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

12. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GD&ĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung là Bộ GD&ĐT.

13. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện Web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường dành cho tuyển sinh đại học chính quy, vừa làm vừa học.

14. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

15. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong cơ sở đào tạo dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh.

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển.

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

e) Về độ tin cậy: Các hình thức đánh giá, xét tuyển phải đảm bảo độ tin cậy, có cơ sở khoa học; loại bỏ các phương thức tuyển sinh không hiệu quả và gây khó khăn, vướng mắc cho thí sinh.

2. Bình đẳng giữa các đơn vị đào tạo

a) Về hợp tác: Trường đảm bảo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh.

b) Về cạnh tranh: Trường đảm bảo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. Hiệu trưởng Nhà trường chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHTN nếu vi phạm nguyên tắc cạnh tranh giữa các đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát.

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Trường xem xét cho theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 5. Phương thức tuyển sinh

1. Hàng năm, Trường công bố phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển), áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo. Một chương trình, ngành đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh Trường quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (bao gồm điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn), trong đó có môn toán hoặc ngữ văn;

b) Một ngành, một chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số tổ hợp môn, trong đó có thể quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển;

c) Không sử dụng quá 4 tổ hợp xét tuyển cho một ngành, một chương trình đào tạo (trừ trường hợp các tổ hợp môn chỉ khác nhau ở môn ngoại ngữ).

4. Đối với một ngành, chương trình đào tạo có chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển:

a) Việc phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển phải có căn cứ hợp lý; không gây mất công bằng cho các thí sinh chọn phương thức, tổ hợp xét tuyển khác nhau;

b) Việc thay đổi, bổ sung phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển phải có căn cứ và lộ trình hợp lý; không làm tỉ lệ phân bổ chỉ tiêu của một phương thức, tổ hợp đã sử dụng trong năm trước giảm quá 30% (trong cơ cấu chỉ tiêu của ngành, chương trình đào tạo) trừ trường hợp việc thay đổi, bổ sung đó đã được công bố trước thời điểm mở đăng ký dự tuyển ít nhất 1 năm.

5. Trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh; trong đó có dựa trên phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển hàng năm.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Ưu tiên theo điểm cộng thành tích học tập theo quy định của Trường: Trường có quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm.

4. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

5. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 7. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình đào tạo do Trường quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành mà trong tổ hợp môn xét tuyển có môn thí sinh đoạt giải; thời hạn đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng, được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh.

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức/cử tham gia chỉ được xét tuyển thẳng vào các ngành; trong đó nội dung/đề tài cuộc thi phải phù hợp với ngành tuyển sinh và phải bảo vệ được nội dung nghiên cứu của mình trước Hội đồng của Trường; thời hạn đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng, được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh.

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

4. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác: xét tuyển sớm theo đề án của Trường (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng).

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (xét tuyển vào các ngành Y khoa, Răng – Hàm – Mặt, Dược học) mà trong tổ hợp môn xét tuyển có môn thí sinh đoạt giải (trừ môn tiếng Anh); thời hạn đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển, được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh;

c) Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 trở lên (còn thời hạn tính đến thời điểm xét tuyển) và có tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 các môn Toán, Hóa

học, Sinh học (đối với ngành Y khoa và Răng – Hàm – Mặt); các môn Toán, Hóa học, Vật lý (đối với ngành Dược học) ghi trong học bạ THPT ≥ 24,0 điểm, trong đó không môn nào dưới 7,0 điểm;

d) Thí sinh tốt nghiệp THPT trong 03 năm gần đây tại các trường THPT chuyên trên cả nước thuộc một trong các lớp chuyên: Toán, Hóa học, Sinh học (đối với ngành Y khoa và Răng – Hàm – Mặt) hoặc Vật lý (đối với ngành Dược học); Có giải khuyến khích trở lên kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học (đối với ngành Y khoa và Răng – Hàm – Mặt) hoặc Vật lý (đối với ngành Dược học); có kết quả xếp loại học lực giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12;

đ) Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐH Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ≥ 80 điểm.

5. Trường quy định cụ thể và công bố trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo của Trường để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 8. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Ngưỡng đầu vào do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

2. Đối với tuyển sinh đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi:

a) Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành các ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng.

3. Hàng năm, căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày và không thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp

minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu là 3 năm, Trường xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 10. Đề án tuyển sinh

1. Hàng năm, Trường xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Trường chỉ công bố đề án tuyển sinh của đơn vị sau khi được ĐHTN công bố đề án tuyển sinh chung của ĐHTN. Đề án tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn trường, ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của đơn vị đào tạo;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GD&ĐT và ĐHTN ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 11. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, ĐHTN cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là hệ

thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo các phương thức tuyển sinh được công bố trong đề án tuyển sinh phù hợp với từng kỳ tuyển sinh;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lặp kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 12. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.

3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện) theo thông báo của Trường, hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác; Trường không yêu cầu bắt buộc thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm

1. Trường có kế hoạch xét tuyển sớm (ưu tiên xét tuyển) theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy chế này đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường. Việc tổ chức xét tuyển sớm phải hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, nhưng không được yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung. Trường công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và ĐHTN.

a) Trường hợp thí sinh đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Bộ GD&ĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, ĐHTN.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHTN) như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);

b) Lựa chọn về Trường (mã Trường): Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (mã trường DTY);

c) Lựa chọn ngành (mã ngành);

d) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);

e) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi theo bài thi/môn thi, hoặc phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT.

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo đúng hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với phương thức xét tuyển riêng của Trường, nguyên tắc xét tuyển được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm, đảm bảo nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

c) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

d) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn).

đ) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, điểm cộng thành tích học tập theo quy định của Trường để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, ĐHTN tổ chức họp xét duyệt và quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) trên cơ sở văn bản đề xuất điểm trúng tuyển của Trường. Trường tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. ĐHTN và Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào tất cả các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

7. Đối với các đợt xét bổ sung: ĐHTN phê duyệt chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển bổ sung trên cơ sở văn bản đề xuất chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển bổ sung của Trường. Công bố điểm xét tuyển đợt bổ sung trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Trường.

Điều 16. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Chương III

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

Điều 17. Xây dựng kế hoạch, đăng ký xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh đại học vừa làm vừa học cho từng đối tượng, bao gồm thời gian tuyển sinh.

2. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến, qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Trường.

Điều 18. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh: Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc tương đương, hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm.

2. Điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường;

d) Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.

Điều 19. Tổ chức xét tuyển

1. Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:

a) Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng và điểm cộng khuyến khích theo quy định của Trường (nếu có). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

b) Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

c) Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, điểm cộng thành tích theo quy định của Trường: theo Điều 6 của Quy chế này.

2. Trên cơ sở kết quả xét tuyển cuối cùng, ĐHTN xét duyệt và quyết định điểm trúng tuyển và danh sách trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) trên cơ sở văn bản đề xuất điểm trúng tuyển và danh sách trúng tuyển của Trường.

3. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân và thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường.

Chương V

XÉT TUYỂN HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Điều 20. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh: học sinh các Trường Dự bị dân tộc Trung ương Việt Trì, Dự bị Sầm Sơn Thanh Hóa và Trường Vùng cao Việt Bắc.

2. Điều kiện tuyển sinh

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng dự bị ĐH;

- Đạt ngưỡng đầu vào ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (do Bộ GD&ĐT quy định tại năm mà học sinh được xét vào học dự bị ĐH);

- Điểm trung bình từng môn bồi dưỡng dự bị ĐH (thuộc tổ hợp xét tuyển) >=7,0;

- Kết quả rèn luyện cả năm dự bị ĐH đạt từ Khá trở lên;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 21. Chỉ tiêu, phương thức, nguyên tắc xét tuyển

1. Chỉ tiêu được xác định không quá 5% chỉ tiêu tuyển sinh chính quy theo từng ngành.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Xét tuyển theo thứ tự từ cao đến thấp của tổng điểm trung bình các môn bồi dưỡng dự bị ĐH (thuộc tổ hợp xét tuyển) cho đến hết chỉ tiêu;

(Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình môn Toán của chương trình bồi dưỡng dự bị ĐH làm tiêu chí phụ để xét tuyển).

b) Trường thực hiện quy trình tuyển sinh sau khi có quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển của ĐHTN và được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh.

Chương IV

TUYỂN SINH LƯU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 22. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1) Đối tượng dự tuyển là lưu học sinh (LHS) người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam theo diện hiệp định, thỏa thuận, hợp đồng đào tạo giữa Nhà trường với các tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a). Có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi LHS là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo. Đối với tuyển sinh đào tạo liên thông ngành Y khoa phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ, ngành Dược học phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng Dược;

b) Điểm trung bình cả năm lớp 12 của từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (thang điểm 10);

c) Đạt điều kiện về trình độ tiếng Việt: LHS đạt tối thiểu 01 trong 02 điều kiện sau:

- Đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt;

- LHS đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt;

- LHS chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt. Thời gian học dự bị tiếng Việt 12 tháng.

d) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

LHS phải có đủ sức khỏe để học tập như quy định đối với công dân Việt Nam. Sau khi vào học tại Nhà trường, LHS phải kiểm tra lại sức khỏe do Nhà trường tổ chức. Trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không đủ sức khỏe để học tập thì LHS phải về nước;

đ) Điều kiện về độ tuổi đối với LHS Hiệp định thực hiện theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Không hạn chế độ tuổi đối với LHS ngoài Hiệp định;

e) Có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 23. Xây dựng kế hoạch, hồ sơ đăng ký xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh LHS, bao gồm thời gian tuyển sinh.

2. Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ. Thành phần Hồ sơ được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh.

Điều 24. Trình tự tiếp nhận

1. Đối với LHS Hiệp định: Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) giao chỉ tiêu về Đại học Thái Nguyên (ĐHTN)/ĐHYD, trình tự tiếp nhận như sau:

a) Bước 1: Trường ĐHYD nhận hồ sơ từ Bộ GD&ĐT hoặc ĐHTN;

b) Bước 2: Trường ĐHYD xem xét hồ sơ của ứng viên, gồm: trình độ học vấn có liên quan đến ngành/chuyên ngành đăng ký, trình độ tiếng Việt, điều kiện sức khoẻ của LHS theo quy định hiện hành, nguyện vọng của LHS (nếu LHS có đề nghị thay đổi ngành đăng ký học so với quyết định thì cần phải có ý kiến của Bộ GD&ĐT);

c) Bước 3: Nhà trường báo cáo Giám đốc ĐHTN danh sách, kết quả kiểm tra hồ sơ của ứng viên và gửi kèm Quyết định của Bộ GD&ĐT;

d) Bước 4: Căn cứ báo cáo và kết quả kiểm tra hồ sơ ứng viên, Giám đốc ĐHTN ra Quyết định tiếp nhận đào tạo LHS trúng tuyển trình độ đại học hoặc sau đại học;

đ) Bước 5: Nhà trường ra thông báo kết quả xét tuyển và tổ chức tiếp nhận đào tạo LHS.

2. Đối với LHS ngoài Hiệp định: Việc tiếp nhận thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo được ký kết giữa Nhà trường với LHS hoặc tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng cho LHS, trình tự tiếp nhận như sau:

a) Bước 1: Trường thông báo tuyển sinh, nhận hồ sơ, xem xét hồ sơ của các ứng viên theo quy định hiện hành;

b) Bước 2: Trường ĐHYD thành lập Hội đồng xét tuyển LHS và tổ chức xét tuyển LHS theo đúng các quy định hiện hành;

c) Bước 3: Trên cơ sở kết luận của Hội đồng xét tuyển, Trường ĐHYD báo cáo Giám đốc ĐHTN về kết quả xét tuyển LHS (thông qua Ban Đào tạo). Hồ sơ báo cáo gồm: 01 bộ hồ sơ của LHS; Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển; Biên bản họp và kết luận của Hội đồng xét tuyển; Công văn do Hiệu trưởng Nhà trường ký, trong đó nêu rõ loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, nguồn kinh phí, mức phí học phí LHS phải nộp (mức phí tối thiểu không thấp hơn mức kinh phí đào tạo cho công dân Việt Nam);

d) Bước 4: Ban Đào tạo - ĐHTN tiếp nhận hồ sơ báo cáo từ đơn vị tiếp nhận đào tạo LHS, kiểm tra hồ sơ và trình Giám đốc ĐHTN ra quyết định trúng tuyển trong vòng 07 ngày làm việc;

đ) Bước 5: Trường ĐHYD thông báo kết quả xét tuyển và tổ chức tiếp nhận đào tạo LHS.

Điều 25. Tổ chức xét tuyển

1. Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:

a) Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, điểm xét tuyển làm tròn đến 02 chữ số thập phân;

b) Nguyên tắc xét tuyển dựa vào điểm xét tuyển, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

2. Trên cơ sở kết quả xét tuyển cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

3. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh kết quả xét tuyển của cá nhân và thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 26. Kinh phí xét tuyển, đào tạo

1. Đối với LHS Hiệp định

Tiêu chuẩn, chế độ, kinh phí đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Đối với LHS ngoài Hiệp định

Kinh phí đào tạo thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo ký kết giữa tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng với Nhà trường hoặc giữa cá nhân LHS với Nhà trường. LHS chịu mọi chi phí phát sinh khác trong quá trình học tập tại Trường.

3. Kinh phí học dự bị tiếng Việt và các điều khoản hỗ trợ do cơ sở đào tạo tiếng Việt quy định, được cụ thể trong thông báo tuyển sinh hàng năm.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công

việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh ĐHTN gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó trưởng phòng Đào tạo được Trưởng phòng ủy quyền;

d) Các uỷ viên: Trưởng các phòng chức năng, Khoa/Bộ môn của Trường;

đ) Người có người thân (có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) là thí sinh dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua Đề án tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập Tổ soạn thảo biên soạn và công bố hàng năm theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

b) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

i. Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với ĐHTN, Bộ GD&ĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường;

ii. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong Đề án tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan;

iii. Phân công cho Ban thư ký cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHTN;

iv. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục;

v. Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

vi. Tổng kết công tác tuyển sinh, Quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT, ĐHTN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác tuyển sinh của Trường;

c) Thành lập các Ban thư ký để giúp việc cho HĐTS trong việc thực hiện công tác tuyển sinh.

d) Thành lập các ban Chuyên môn theo quy định (nếu cần thiết); Trưởng các ban chuyên môn phải là thành viên của Hội đồng tuyển sinh.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐTS: thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 28. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS Trường kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: các cán bộ phòng Đào tạo Đại học, các phòng chức năng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để được xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Thư ký HĐTS

a) Lựa chọn những cán bộ, giảng viên trong Trường có ý thức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, tác phong làm việc cẩn thận có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, báo cáo Chủ tịch HĐTS xem xét ra quyết định cử vào Ban Thư ký;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 29. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Nếu thí sinh phải xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống thì thực hiện trước khi nhập học tại Trường. Trường có thông báo thành phần Hồ sơ nhập học chi tiết trước khi thí sinh nhập học trực tiếp tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân quận, huyện trở lên, Trường xem xét

quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 30. Kiểm tra hồ sơ xét tuyển và hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển

1. Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra, tiến hành kiểm tra độc lập quy trình tuyển sinh, hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Chủ tịch HĐTS có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh đến nhập học, Trường phải tổ chức kiểm tra hồ sơ nhập học theo quy định. Trong quá trình sinh viên đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo, Trường phải thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả tuyển sinh của thí sinh theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực, đối tượng ưu tiên, điểm cộng thành tích theo quy định của Trường (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng; nộp đủ hồ sơ (nếu có) và đúng thời gian quy định của Trường.

c) Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu phát hiện có sự gian lận trong hồ sơ tuyển sinh.

d) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển.

đ) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và ĐHTN;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các đơn vị đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của đơn vị đào tạo mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các

cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức xét tuyển được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT và Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường và các cơ sở đào tạo khác trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Viên chức, người lao động của đơn vị đào tạo tham gia công tác tuyển sinh nếu vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và những cá nhân liên quan của Trường vi phạm cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Hiệu trưởng Nhà trường chịu trách nhiệm xử lý viên chức, người lao động vi phạm của đơn vị và báo cáo ĐHTN theo quy định.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Trường chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Nhà trường (thông qua phòng Đào tạo) để trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 715 /QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh". b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1. c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên. d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ. b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên. d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm UT2	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học. b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
	dưới 18 tháng ở khu vực khác. c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày đăng ký xét tuyển.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01. b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%. c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên. d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục III. Đề án tuyển sinh

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

2. Mã trường: DTY.

3. Địa chỉ trụ sở: 284 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: *http://tump.edu.vn/*

5. Địa chỉ trang mạng xã hội: *https://www.facebook.com/tuyensinhtump*

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083 854 504; 02083 840 618; 02083 858 713

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Đường link công khai việc làm của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: *http://tump.edu.vn/category/tinh-trang-viec-lam*

- Kết quả khảo sát SV có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp[1]:

Năm khảo sát	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm (%)
Năm 2022	Y khoa	ĐH	623	621	529	97.16
	Răng-Hàm-Mặt	ĐH	53	72	50	100
	Dược học	ĐH	131	112	94	98.33
	Y học dự phòng	ĐH	100	78	5	100
	Điều dưỡng	ĐH	150	118	99	100
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	ĐH	50	39	35	100
			1107	**1040**	**812**	**99.24**

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất: công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: *http://tuyensinh.tump.edu.vn/category/tuyen-sinh-dai-hoc*

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: xét tuyển

[1] Đối tượng khảo sát là SV đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Y khoa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	600	707	26,20	360	420	25,75
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	93	29,71	236	181	26,50
		Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)				Không hạn chế	4	-
		Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường				50	25	-
		Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội để xét tuyển				70	12	20,0
2	Răng - Hàm - Mặt	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	60	26,25	42	21	26,75
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	14	29,72	27	26	28,00
3	Dược học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	222	25,20	144	170	24,80
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	6	29,47	96	50	23,00
4	Y học dự phòng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	67	21,80	39	60	21,80
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	8	27,52	26	8	22,40
5	Điều dưỡng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	250	318	21,50	210	150	19,00
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	150	61	25,85	140	48	19,60
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	56	24,85	36	32	24,20
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	3	28,78	24	15	22,50
7	Hộ sinh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	22	19,15	30	16	19,00
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	13	24,81	20	6	21,20
	Tổng		**1690**	**1650**		**1550**	**1244**	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: *https://tump.edu.vn/category/chuong-trinh-dao-tao-1*

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y khoa	7720101	116/CP	23/7/1968	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Chính Phủ	1968	2022
2	Răng - Hàm - Mặt	7720501	960/QĐ-ĐT	28/12/2007	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2006	2022
3	Dược học	7720201	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Bộ GD&ĐT	2003	2022
4	Điều dưỡng	7720301	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Bộ GD&ĐT	2003	2022
5	Y học dự phòng	7720110	911/QĐ-ĐT	28/12/2006	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2007	2022
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	716/QĐ-ĐHTN	26/4/2017	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2017	2022
7	Hộ sinh	7720302	1245/QĐ-BGDĐT	09/4/2021			Bộ GD&ĐT	2021	2022

10. Các điều kiện đảm bảo chất lượng: công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: *http://tump.edu.vn/category/cong-khai*

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022

TT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/Ngành	Quy mô đào tạo[2]
A	**Sau đại học**		
1	**Tiến sĩ**		
1.1	***Sức khỏe***		
1.1.1	Nhi khoa	9720106	4
1.1.2	Nội khoa	9720107	8
1.1.3	Y tế công cộng	9720701	17
2	**Thạc sĩ**		
2.1	***Sức khỏe***		
2.1.1	Ngoại khoa	8720104	9
2.1.2	Nhi khoa	8720106	30
2.1.3	Nội khoa	8720107	9
2.1.4	Y học dự phòng	8720163	39
B	**Đại học**		
3	**Đại học chính quy**		7216
3.1	**Chính quy**		6458
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**		
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**		
3.1.2.1	**Sức khỏe**		6458
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	3423
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	292
3.1.2.1.3	Dược học	7720201	1090
3.1.2.1.4	Điều dưỡng	7720301	1056
3.1.2.1.5	Hộ sinh	7720302	55
3.1.2.1.6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	325
3.1.2.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	217
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**		566
3.2.1	***Sức khỏe***		566
3.2.1.1	Y khoa	7720101	554
3.2.1.1	Dược học	7720201	12
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**		121
3.3.1	***Sức khỏe***		121
3.3.1.1	Dược học	7720201	121
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		71
3.4.1	***Sức khỏe***		71
3.4.1.1	Y khoa	7720101	43
3.4.1.2	Dược học	7720201	4
3.4.1.3	Răng - Hàm - Mặt	7720501	24

[2] Không bao gồm sinh viên cử tuyển.

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của Trường (ha): 10,8 ha; Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 592 chỗ.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy: 5,6 m^2.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	169	13830
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	650
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	130
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68	8610
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	6	180
1.5	Số phòng học đa phương tiện	5	700
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	86	3560
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4365
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	34	2195
	Tổng	**205**	**20390**

10.2.2. Các thông tin khác

- Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên là bệnh viện thực hành chính của Trường;

- Ngoài ra, Trường còn có hệ thống các bệnh viện thực hành trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh khác như: Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La ...

10.3. Danh sách giảng viên

10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian: công khai tại địa chỉ *http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/danh-sach-giang-vien-toan-thoi-gian-nam-2023 (Phụ lục I)*

10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng: công khai tại địa chỉ *http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/danh-sach-giang-vien-thinh-giang-nam-2023 (Phụ lục II)*

11. Đề án tuyển sinh: Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

1.3. Phương thức tuyển sinh (xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và theo trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
1												
2												

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành xét tuyển, tên ngành, mã phương thức xét tuyển, tên phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển…

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời hian, hình thức, điều kiện nhận hồ sơ, các điều kiện xét tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc Trường thực hiện cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

1.15.Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

III. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

1.3. Phương thức tuyển sinh (xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và theo trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành xét tuyển, tên ngành, mã phương thức xét tuyển, tên phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển…

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời hian, hình thức, điều kiện nhận hồ sơ, các điều kiện xét tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc cơ sở đào tạo thực hiện cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

1.15. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

Cán bộ kê khai
(ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

Nguyễn Quang Mạnh
ĐT: 0915646678
Email: nguyenquangmanh@gmail.com

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng